TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/DS-ST
Ngày 27-11-2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ry
Bà Nguyễn Thị Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hà Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà***: Bà Vũ Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 175/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày*:**

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, bà cho ông Nguyễn Xuân T vay số tiền 165.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 30/5/2019, lãi suất do hai bên thỏa thuận 1%/tháng, mục đích để ông T đáo hạn ngân hàng, hai bên có lập giấy vay tiền, nội dung giấy vay tiền do ông T viết và ký tên xác nhận. Đến hạn bà đòi nhiều lần nhưng ông T không trả gốc và lãi. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho bà số tiền gốc là 165.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/5/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày: thừa nhận ngày 29 tháng 3 năm 2019, ông có vay của bà H số tiền 165.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng, thời hạn trả là ngày 30/5/2019, mục đích để ông T đáo hạn ngân hàng, ông có viết giấy vay tiền và ký xác nhận. Nay bà H khởi kiện, ông đồng ý trả cho bà H số tiền gốc là 165.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do ông T xin vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đồng thời yêu cầu tính lãi, cụ thể: từ ngày 29/3/2019 đến ngày 30/5/2019 là 02 tháng với mức lãi suất 01%/tháng, với số tiền lãi là 3.300.000 đồng, từ ngày 30/5/2019 đến ngày 27/11/2019 là 06 tháng với mức lãi suất 1,2%/tháng, với số tiền lãi là 11.880.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H. Buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền gốc vay là 165.000.000 đồng, tiền lãi ngày 29/3/2019 đến ngày 30/5/2019 với mức lãi suất 0.83%/tháng, tiền lãi từ ngày 30/5/2019 đến ngày 27/11/2019 với mức lãi suất 1,2%/tháng. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo việc thi hành án. Về án phí buộc ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc vay là 165.000.000 đồng và lãi phát sinh vì cho rằng chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, xác định quan hệ *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của các đương sự thể hiện:

Theo nội dung giấy vay tiền viết tay ngày 29/3/2019 thì bà Võ Thị Thu H cho ông Nguyễn Xuân T vay số tiền 165.000.000 đồng, mục đích vay để ông T

đáo hạn ngân hàng, ông T có trách nhiệm phải trả cho bà Võ Thị Thu H vào ngày 30/5/2019, nhưng không thể hiện mức lãi suất.

Phía ông T thừa nhận ngày 29 tháng 3 năm 2019 có vay số tiền 165.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng, nay đồng ý trả gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho bà H.

Do vậy, bà Võ Thị Thu H yêu cầu buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho số tiền vay 165.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của bà H thấy rằng trong giấy vay tiền không thể hiện mức lãi suất nhưng các bên trình bày có thỏa thuận về lãi suất và tranh chấp về mức lãi suất nên áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" thì yêu cầu tính lãi xem xét như sau:

Từ ngày 29/3/2019 đến ngày 30/5/2019 là 02 tháng với mức lãi suất 0.83%/tháng, cụ thể là: 165.000.000 đồng x 0.83% x 02 tháng = 2.739.000 đồng.

Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 27/11/2019 là 05 tháng 27 ngày với mức lãi suất 1,2%/tháng, cụ thể là: 165.000.000 đồng x 1,2% x 05 tháng 27 ngày = 11.082.000 đồng, cộng tiền lãi là 13.821.000 đồng. Buộc ông T phải trả cho bà H số tiền lãi 13.821.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà H yêu cầu ông T phải trả lãi với số tiền 15.180.000 đồng nên số tiền lãi không được chấp nhận là 1.359.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2019/QĐBPKCTT ngày 07/10/2019, nay bà H yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Xét thấy để bảo đảm việc thi hành nên cần tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự cho đến khi ông Nguyễn Xuân T thực hiện xong nghĩa vụ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H được chấp nhận một phần nên buộc ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T.

Buộc Nguyễn Xuân T có trách nhiệm phải trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền gốc vay là 165.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 27/11/2019 là 13.821.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 178.821.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi mốt ngàn đồng), không chấp nhận số tiền lãi là 1.359.000 đồng.

Lãi chậm thi hành án:

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự".

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.941.050 đồng.

Buộc bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tiền 4.310.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0013104 ngày 19/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà Võ Thị Thu H được nhận lại số tiền 4.010.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên